

Số: 040/BC-HĐQT

Nghệ An, ngày 09 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900329305 do Sở KH&ĐT tỉnh Nghệ An cấp thay đổi lần 9 ngày 07/01/2020.
- Vốn điều lệ: 53.129.200.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 53.129.200.000 đồng
- Địa chỉ: Số 198 Trường Chinh - Thành phố Vinh - Nghệ An.
- Điện thoại : 0238.3853804
- Website: c92.com.vn
- Mã cổ phiếu: C92

Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 02/6/1992, Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 (Tổng Công ty) ra Quyết định số 56/QĐ/TCCB-LĐ thành lập Công trường I, là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

- Ngày 16/01/1995, Công trường I được đổi tên là Xí nghiệp Công trình I hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty. Nhiệm vụ của Công ty là xây dựng các công trình và thực hiện kế hoạch do Tổng Công ty giao nhằm đảm bảo về tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh doanh.

- Ngày 30/8/1997, Xí nghiệp Công trình I được đổi tên là Công ty Công trình Giao thông 492 theo Quyết định số 172/QĐ/TCCB-LĐ của Tổng Công ty. Công ty Công trình Giao thông 492 được Tổng Công ty trực tiếp giao nhiệm vụ xây dựng các công trình và được uỷ quyền giao dịch, ký kết các hợp đồng và vay vốn xây dựng công trình theo phương thức tự hạch toán.

- Để phù hợp với sự phát triển của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như cùng hoà nhập vào nền kinh tế thị trường của đất nước, ngày 28/09/1998, Công ty được chuyển thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập theo Quyết định số 2448/1998/QĐ/BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Ngày 05/02/2002, Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải công nhận Công ty Công trình giao thông 492 xếp hạng lên Doanh nghiệp Nhà nước hạng I.

- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc sắp xếp, đổi mới và cổ phần hoá doanh nghiệp, ngày 29/04/2004, Bộ Giao thông Vận tải ra Quyết định số 1227/QĐ-BGTVT chuyển Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Công trình giao thông 492 thành Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông 492 (ECOJCOM 492) thuộc Tổng công ty có sự chi phối của Nhà nước, là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập.

- Ngày 14/02/2005, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 492 và thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

- Ngày 23/02/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000504.

- Ngày 10/7/2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 số 2900329305.

- Ngày 19/11/2007, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492 chính thức giao dịch 1,2 triệu cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu) trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là C92.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT, BT;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị giao thông vận tải;
- Xây dựng đường dây và trạm điện đến 35KV;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại.

- Địa bàn kinh doanh:

Các công trình mà Công ty đã và đang thi công trải dài trên cả nước Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

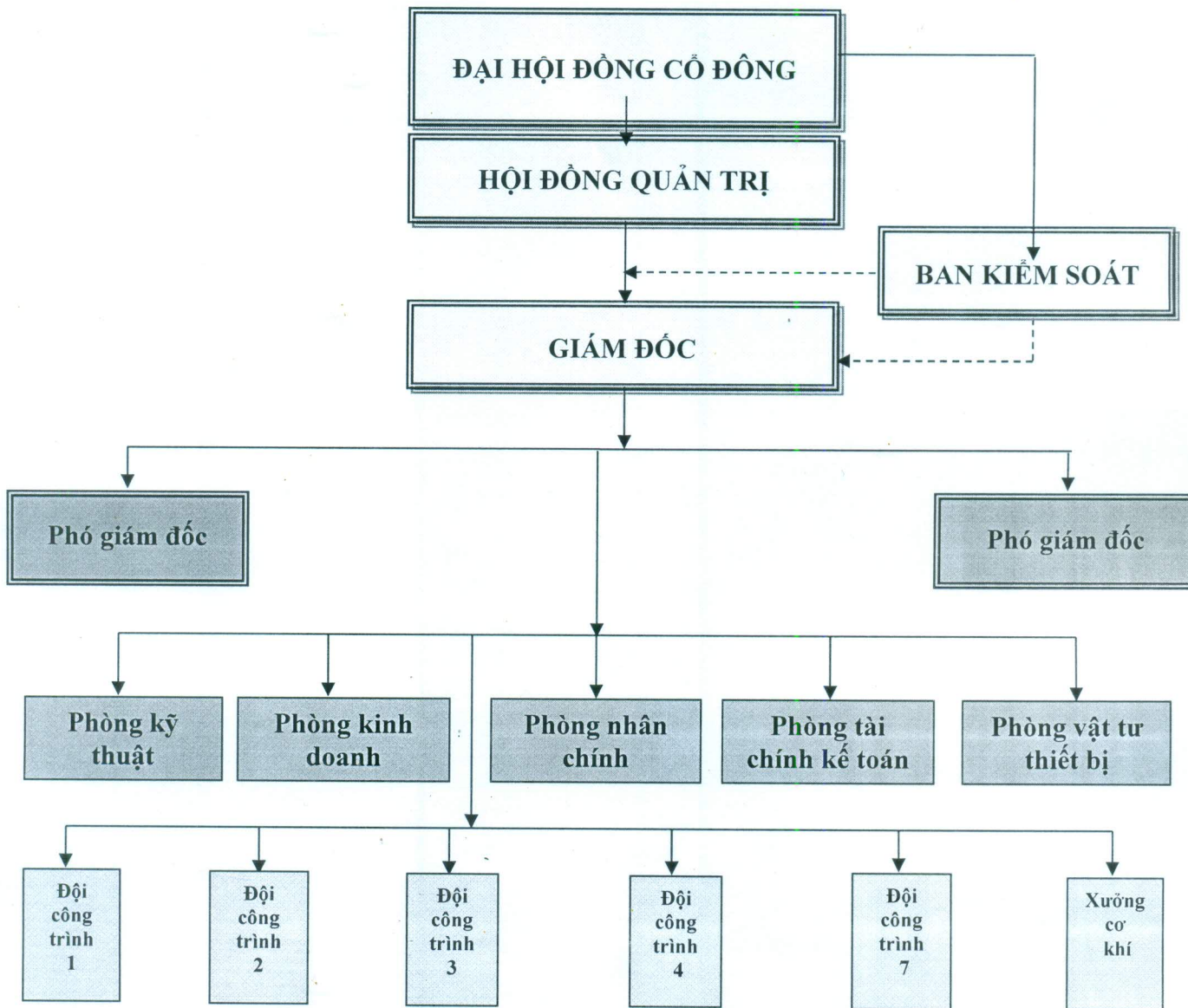
Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty bầu ra Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty đứng đầu là Chủ tịch hội đồng quản trị.

Giám đốc điều hành công ty là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức quản lý điều hành mọi hoạt động trong Công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ 492



Ghi chú: → : Quản lý, điều hành trực tiếp
 ---> : Giám sát hoạt động

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Mục tiêu phát triển của C92 là đổi mới, hiệu quả và phát triển bền vững; mọi cán bộ quản lý và người lao động của công ty phải nỗ lực cao nhất để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng môi trường làm việc dân chủ, tin tưởng, gắn bó với doanh

nghiệp; tạo khối đoàn kết, thống nhất, không ngừng nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động kinh doanh, xây dựng công ty phát triển bền vững.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Định hướng phát triển đến năm 2025: Xây dựng công ty thành một doanh nghiệp xây dựng mạnh, đa sở hữu. Lấy xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp là hướng phát triển chính và hiệu quả làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của công ty, đồng thời phát triển một số ngành có lợi thế cạnh tranh như: kinh doanh bất động sản. Xây dựng đội ngũ cán bộ - công nhân chuyên nghiệp, có trình độ tay nghề cao, có tinh thần lao động sáng tạo; không ngừng nâng cao đời sống người lao động.

- Các mục tiêu phát triển bền vững: (môi trường, xã hội và cộng đồng và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty).

Song song với các định hướng về sản xuất kinh doanh Công ty chú trọng đến các mục tiêu phát triển bền vững như: xây dựng định hướng phát triển về môi trường, xã hội và cộng đồng. Phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương nơi các dự án của công ty đóng trên địa bàn để có chiến lược về môi trường nước, khí hậu và điều kiện sinh hoạt của công nhân. Thường xuyên xây dựng các quy chế và phổ cập cho cán bộ công nhân viên thực hiện về An toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy... Liên kết với các cơ sở đào tạo để đào tạo và bổ túc thường xuyên về kiến thức ATLĐ, VSMT, PCCC cho CB CNV trong công ty.

5. Các rủi ro:

Rủi ro về thị trường: Các biến động về giá cả thị trường (nguyên vật liệu đầu vào) là các rủi ro không thể lường trước được và tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp xây lắp.

Rủi ro về tín dụng và lãi suất: Hoạt động của DN phụ thuộc nhiều về tín dụng ngân hàng và biến động lãi suất, các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về thời tiết: Biến đổi thời tiết sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thi công các dự án dẫn đến các rủi ro về kết quả sản xuất kinh doanh.

Rủi ro khác: Các điều kiện khách quan rất hiếm xảy ra như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... nhưng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty phải lập quỹ phòng tránh các rủi ro về PCCC, các thiên tai khác.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021 là năm có nhiều khó khăn trong ngành xây dựng cơ bản, đặc biệt là ngành giao thông vận tải, các nguồn vốn hạn hẹp. Công ty chúng ta phải đối mặt với những khó khăn thách thức về tài chính, thị trường việc làm, thị trường lao động.v.v...

Hoạt động Công ty trải dài khắp cả nước khiến việc di chuyển trong công việc khó khăn, quản lý không sát sao được, một số dự án bị ảnh hưởng do cách li xã hội vì dịch bệnh như cầu Thành Nam – Hội An, Bình Dương – Tây Ninh... Nhưng các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh đều đạt được kế hoạch đề ra. Công ty chăm lo tốt đời sống cho người lao động, thu nhập đảm bảo.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NQ ĐHĐCĐ	Thực hiện năm 2021
----	----------	-------------	----------	--------------------

			năm 2021	
1	Giá trị sản lượng (bao gồm thuế GTGT)	triệu đồng	230.000	198.985
2	Doanh thu và thu nhập khác	triệu đồng	200.000	180.896
3	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	1.000	1.033
5	Tỷ lệ trả cổ tức	%	0	0

Đánh giá:

- Giá trị sản lượng đạt 86,52% kế hoạch năm, bằng 90,08% so với năm 2020;
- Doanh thu và thu nhập khác đạt 90,45% kế hoạch năm, bằng 93,23% so với năm 2020;

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Nguyễn Anh Hưng

- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 25 - 12 - 1974
- Quê quán : Đồng Văn - Thanh Chương - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : số 1/223 - Trần Hưng Đạo - Tp Vinh - Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Ths. Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Xây dựng CT biển & dầu khí
- Quá trình công tác:
 - 05/1999 - 05/2003 : Cán bộ kỹ thuật Công ty CP XD&ĐT 492
 - 05/2003 - 09/2005 : Đội phó Đội CT6 - Công ty CP XD&ĐT 492
 - 09/2005 - 10/2007 : Đội trưởng Đội CT 6 - Công ty CP XD&ĐT 492
 - 10/2007 - 07/2009 : Phó Giám đốc Công ty CP XD&ĐT 492
 - 07/2009 - 04/2010 : Giám đốc điều hành Công ty CP XD&ĐT 492
 - 04/2010 - 04/2014 : Phó chủ tịch HĐQT, Giám đốc điều hành
 - 04/2014 đến nay : Chủ tịch HĐQT, Giám đốc điều hành
- Số cổ phần nắm giữ : 3.815.978 cổ phần thuộc sở hữu cá nhân, chiếm 71,82% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

Nguyễn Đình Lục

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 23 - 10 - 1968
- Quê quán : Mỹ Thành - Yên Thành - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Khối 14 - Phường Lê Lợi, Tp Vinh, Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Cầu đường
- Quá trình công tác:
 - 1997 -1998 : Kỹ thuật viên Công ty CP XD&ĐT 492
 - 1998 - 2009 : Đội trưởng Đội công trình 5 - Công ty CP XD&ĐT492
 - 2009 - 10/2010 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP XD&ĐT 492
 - 10/2010 - nay : Phó giám đốc Công ty CP XD&ĐT 492
- Số cổ phần nắm giữ: 101.552 cổ phần thuộc sở hữu cá nhân, chiếm 1,9% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

Nguyễn Cảnh Tùng

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc.
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 18 - 07 - 1974
- Quê quán : xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cầu đường
- Quá trình công tác:
 - 1992 - 1993 : Công nhân Xí nghiệp 479
 - 1993 - 1999 : Công nhân Công ty CP XD&ĐT 492
 - 2000 - 2003 : Kỹ thuật viên Công ty CP XD&ĐT 492
 - 2003 - 2005 : Đội phó Đội CT2 - Công ty CP XD&ĐT 492
 - 2005 - 2010 : Đội trưởng Đội CT2 - Công ty CP XD&ĐT 492
 - 6/2010 - 4/2014 : Trưởng phòng Kinh doanh
 - 4/2014 - 3/2015 : Phó giám đốc Công ty CP XD&ĐT 492
 - 4/2015 - đến nay : Phó giám đốc Công ty CP XD&ĐT 492
- Số cổ phần nắm giữ: 67.814 cổ phần thuộc sở hữu cá nhân, chiếm 1,27% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động.

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2021 là 122 người, cụ thể:

Phân theo trình độ người lao động:

- | | | |
|--|---|----------|
| ▪ Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học | : | 47 người |
| ▪ Cán bộ có trình độ cao đẳng và trung cấp | : | 9 người |
| ▪ Công nhân và công nhân kỹ thuật | : | 51 người |
| ▪ Lao động phổ thông | : | 15 người |

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và các chính sách khác đối với người lao động.

❖ *Chính sách đào tạo*

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành nghề. Công ty luôn thực hiện việc đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động. Luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- Đối với lao động tại các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của nhà nước.

❖ *Chính sách lương*

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

❖ *Chính sách thưởng*

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

❖ *Các chế độ chính sách khác đối với người lao động*

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Bộ luật Lao động, nội quy lao động và thoả ước lao động tập thể. Chế độ bảo hiểm xã hội của công ty bao gồm đầy đủ ba chế độ: ốm đau, thai sản và tai nạn lao động. Công ty đặc biệt quan tâm đến việc hiếu, hỷ cho CBCNV trong Công ty.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết; cụ thể:

- Các chế độ chống nóng, chống độc hại cho công nhân, lao động phải làm việc trong điều kiện độc hại. Công tác an toàn, bảo hộ lao động được quan tâm đúng mức, đúng chế độ Nhà nước quy định, trang cấp bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ, huấn luyện an toàn;

- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên nhân ngày quốc tế phụ nữ 8/3; ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; cưới hỏi; ngày lễ tết (tết Dương lịch, tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế lao động 1/5, Quốc khánh 2/9);

- Tổ chức cho các cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, du lịch hàng năm;
- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Công ty nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, rằm trung thu;
- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư dự án: Không

b. Các công ty con, công ty liên kết: không

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu	Năm 2021 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	Tỷ lệ % 2020/2019
Tổng giá trị tài sản	321.760.389.099	353.141.306.231	91,11%
Doanh thu thuần	180.895.537.028	194.038.042.387	93,23%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-1.909.843.556	1.191.172.682	-160,33%
Lợi nhuận khác	2.959.359.296	378.211.312	782,46%
Lợi nhuận trước thuế	1.049.515.740	1.569.383.994	66,87%
Lợi nhuận sau thuế	1.033.185.958	1.565.813.708	65,98%
Tỷ lệ trả cổ tức	0%	0%	0%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ số về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,19	1,15	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,67	0,52	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,8	0,83	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,22	4,83	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,29	0,98	
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,56	0,55	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,006	0,008	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,017	0,026	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,003	0,004	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-0,011	0,006	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.312.920 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông (Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần)

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông trong nước:

Cá nhân: 698 cổ đông, nắm giữ 5.114.351 cổ phiếu, chiếm 96% vốn điều lệ, trong đó có 01 cổ đông lớn, nắm giữ 3.815.978 cổ phiếu, chiếm 71,82% vốn điều lệ

Tổ chức: 11 cổ đông, nắm giữ 3.889 cổ phiếu, chiếm 0,073% vốn điều lệ

- Cổ đông nước ngoài:

Cá nhân: 9 cổ đông, nắm giữ 23.480 cổ phiếu, chiếm 0,44% vốn điều lệ

Tổ chức: 05 cổ đông, nắm giữ 171.200 cổ phiếu, chiếm 3,22% vốn điều lệ

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e. Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1 Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Các nguyên vật liệu DN sử dụng cho các sản phẩm đều mua sẵn của các nhà sản xuất uy tín có chứng chỉ đạt chuẩn về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: sử dụng 100% không có tái chế

6.3 Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo) báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4 Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước tự nhiên

b) Tỉ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

6.5 Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Tính đến ngày 31/12/2021 tổng số lao động là 122 người, mức thu nhập bình quân 9,5 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty kết hợp với công đoàn công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ CNV, tổ chức thăm hỏi tặng quà các dịp lễ tết, tổ chức các đợt du lịch tham quan...

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Công ty đã phối hợp với trường đào tạo nghề đào tạo kiến thức về ATLĐ, VSMT cho toàn bộ công nhân và kỹ sư tham gia các dự án.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Trách nhiệm của Công ty đối với các địa phương nơi các dự án đi qua đều tuân thủ đầy đủ và có các báo cáo theo yêu cầu.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Doanh nghiệp đã thường xuyên phối hợp với công đoàn cấp trên hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ các đợt phát động của phường xã...

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Thực hiện đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Công tác phát triển nguồn nhân lực và tuyển dụng.

- Công tác phát triển nguồn nhân lực lao động lành nghề, có tay nghề cao, quan tâm đến đời sống người lao động, thu nhập của người lao động, nhà ở công nhân đầy đủ khang trang, các chế độ chính sách bảo đảm theo chế độ quy định của Nhà nước, của Công ty là tiêu chí được Công ty luôn quan tâm đúng mức;

- Phát triển đội ngũ khoa học kỹ thuật, tuyển dụng kỹ sư được đào tạo chính quy, loại khá giỏi, đúng chuyên môn. Nâng cao nghiệp vụ phòng ban chuyên môn, công tác quản lý kỹ thuật trên các Dự án; công tác nâng cao năng lực trong Hồ sơ dự thầu các Dự án mới...

- Cơ cấu lại các tổ sản xuất, sử dụng lao động chính thức. củng cố lại bộ máy cấp đội, đủ mạnh để đảm nhận được những công trình trọng điểm của Công ty thi công;

- Về công tác tuyển dụng: Trong năm tuyển dụng thêm được: 01 kỹ sư cầu đường, 02 cử nhân và 05 công nhân kỹ thuật.

1.2. Công tác quản lý, điều hành SXKD trên các dự án trong năm 2021.

1.2.1. Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng các công trình: Cầu Quang Trung – Cần Thơ, Cầu Thọ Tường - Hà Tĩnh, Cầu Cẩm Kim – TP Hội An – Quảng nam

1.2.2 Các công trình đang thi công đạt được:

Cầu Long Đại – TP HCM:

Đã cơ bản hoàn thành còn lại phần đường đầu cầu, dầm ngang, mặt cầu...

Cầu Phước long – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã cơ bản hoàn thành, khối lượng còn lại gồm dầm ngang, bản mặt cầu...

1.2.3 Các cầu Quận Cái Răng – Cần Thơ

Đã cơ bản hoàn thành

1.2.4 Cầu Thanh Nam – Tp Hội An

Đã cơ bản hoàn thành

1.2.5 Hàm chui Bến xe miền Đông

Đã cơ bản hoàn thành còn lại là thảm BTN đường, lắp dựng lan can

1.2.6 Cầu kết nối tỉnh Bình Dương và Tây Ninh

Đã cơ bản hoàn thành

Xưởng cơ khí.

- Gia công, chế sửa các hạng mục thép định hình cho các công trình, các cấu kiện vật tư luân chuyển phục vụ thi công.

1.3. Công tác thanh, quyết toán với Chủ đầu tư:

- Công ty tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác thanh toán các hạng mục, công trình đã hoàn thành từ đó đảm bảo nguồn lực tài chính đáp ứng phục vụ thi công.

- Các công trình thi công trong năm đều làm tốt công tác nghiệm thu thanh toán kịp thời.

1.4. Công tác duyệt lương, khoán, quyết toán nội bộ.

- Nhằm đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động. Hàng tháng chỉ đạo quyết liệt các đội sản xuất, phòng ban chuyên môn duyệt lương đúng theo yêu cầu đề ra.

- Tất cả các công trình đã thực hiện giao khoán nội bộ theo định mức khoán nội bộ.

- Đã thanh toán lương toàn Công ty hết tháng 12/2021, chế độ tiền tết bình quân 5 triệu đồng/người.

- Triển khai việc thực hiện đánh giá xếp loại và mức hưởng lương cho cán bộ gián tiếp hàng tháng cho các Phòng ban chuyên môn và đội sản xuất. Tạo sự chuyển biến tích cực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.5. Công tác tài chính.

- Huy động kịp thời và đảm bảo vốn phục vụ sản xuất trên các công trình;

- Công tác quản lý cho vay vốn sản xuất, giảm nợ đúng quy chế tài chính.

1.6. Công tác kỹ thuật chất lượng.

- Công tác thiết kế biện pháp TCTC sát với thực tế, đã chủ động sáng tạo tận dụng tối đa nguồn vật tư sẵn có của Công ty, làm chủ các công nghệ thi công phức tạp;

- Công tác quản lý tiến độ thi công càng ngày càng sát với thực tế, có báo cáo thi công hàng tuần. Xây dựng tiến độ thi công chi tiết phù hợp nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản lý tiến độ theo đường găng tổng thể.

- Thắt chặt công tác quản lý chất lượng công trình, kiểm tra đôn đốc các đơn vị thi công công trình đạt yêu cầu kỹ thuật của dự án;

- Thường xuyên cập nhật các ứng dụng chuyên ngành áp dụng cho công tác thiết kế biện pháp TCTC, có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất làm lợi hàng trăm đến hàng tỷ đồng.

1.7. Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

Công tác an toàn vệ sinh lao động được Công ty đặc biệt quan tâm, luôn đặt tiêu chí “An toàn tuyệt đối cho con người, thiết bị và công trình” là mục tiêu đầu tiên trong quá trình thi công. Chính vì vậy mà ngay từ đầu lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, các đội sản xuất thực hiện tốt công tác an toàn – vệ sinh lao động.

2. Tình hình tài chính.

a. Tình hình tài sản.

Cơ cấu tài sản của Công ty những năm qua không có sự thay đổi đáng kể. Tài sản ngắn hạn chiếm 94,6% tổng tài sản, tài sản dài hạn chiếm 5,4% tổng tài sản. Trong tài sản ngắn hạn thì các khoản phải thu và hàng tồn kho chiếm 82,1%.

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả chiếm 80,9% tổng nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm 19,1% tổng nguồn vốn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2021 Công ty đã tuyển dụng được 01 kỹ sư, 02 cử nhân và 05 công nhân kỹ thuật cho các đội sản xuất. Thực hiện tốt luân chuyển cán bộ trong công ty một cách phù hợp và tiếp nhận được cán bộ có chất lượng cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Xây dựng chiến lược tìm kiếm việc làm, đầu tư khoa học và công nghệ; tăng cường công tác quản trị, quản lý, điều hành dự án; thực hiện tốt chính sách đối với người lao động, công tác tuyển dụng.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ trên BCTC 2021: tại thời điểm 31/12/2021 công ty có một số khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã phát sinh chưa được nghiệm thu thanh toán. Do một số dự án đang chờ thanh quyết toán công trình với các chủ đầu tư và các Bộ ban ngành liên quan, tiền bảo hành...

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty đã thường xuyên kiểm tra nhắc nhở các BCD công trường chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường nơi đóng quân, thực hiện tốt các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường. Trong năm qua Công ty không có vụ vi phạm nào về bảo vệ môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Tính đến ngày 31/12/2021 tổng số lao động là 122 người, thu nhập bình quân người lao động luôn được chú trọng và đạt mức cao trong khu vực, các chế độ khen thưởng được thực hiện đầy đủ, đóng BHXH đầy đủ cho người lao động. Công ty kết hợp với công đoàn công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ CNV, tổ chức thăm hỏi tặng quà các dịp lễ tết, tổ chức các đợt du lịch tham quan...

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: DN thường xuyên phối hợp với công đoàn cấp trên hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ các đợt phát động của phường, xã...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

a. Về công tác tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua các chỉ tiêu chính, với cơ cấu hiện nay về tổ chức đáp ứng được công tác lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu công ty đề ra.

Đã lãnh đạo, thực hiện kiện toàn bộ máy quản lý, bổ nhiệm và điều động cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu sản xuất.

b. Công tác xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản trị:

Thực hiện quy định quản trị doanh nghiệp, năm 2021 HĐQT hoàn thiện và ban hành các quy chế và quy định kịp thời;

Đã phê duyệt các kế hoạch SXKD quý, năm; các quyết định đầu tư, kế hoạch vay vốn, quỹ tiền lương để Giám đốc triển khai và tổ chức thực hiện. Chỉ đạo công tác lập kế hoạch SXKD năm 2022 trình ĐHĐCĐ;

Các quy chế, quy định đã được xây dựng theo đúng trình tự, được các thành viên HĐQT, cán bộ chủ chốt tham gia góp ý, nội dung tuân theo quy định của pháp luật và được vận dụng phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty. Các quy chế, quy định này đã tác động tốt đến công tác điều hành và quản trị chung doanh nghiệp.

c. Công tác lãnh đạo SXKD:

HĐQT đã chỉ đạo sát sao việc thực hiện mục tiêu tiến độ các công trình, công tác doanh thu, thu hồi vốn, huy động vốn, công nợ, công tác kiểm kê cuối năm, công tác quản lý thiết bị, xử lý các công việc quyết liệt, mang lại hiệu quả thiết thực, toàn diện trên các mặt trong năm 2021 và tạo được tiền đề cho sự phát triển trong các năm tiếp theo.

Đã tăng cường chỉ đạo đối với các công trình thi công, thực hiện công tác giao khoán nội bộ, công tác thanh toán, kiểm soát về chất lượng, an toàn lao động. Công tác quản lý tài chính được chặt chẽ, quan hệ tín dụng linh hoạt, được mở rộng đã mang lại hiệu quả đáp ứng được vốn sản xuất, trả nợ đúng hạn.

d. Về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT:

Thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, HĐQT đã chủ động thực hiện nhiệm vụ này một cách có hiệu quả thiết thực: Tất cả các phiên họp, đều yêu cầu Giám đốc và cán bộ quản lý có liên quan báo cáo kết quả SXKD, điều hành công ty từng giai đoạn;

HĐQT đã phê duyệt đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm 2021;

Đã thành lập Hội đồng kiểm kê, giám sát và kiểm kê toàn bộ tài sản công ty để phục vụ quyết toán và đánh giá giá trị doanh nghiệp đến thời điểm 31/12/2021;

Giám sát việc thực hiện các dự án, các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Thông qua kiểm tra, kiểm kê tài sản, kiểm soát nội bộ, các bộ phận, đơn vị trực thuộc, giúp cho HĐQT xem xét được tính hợp lý việc sử dụng các nguồn lực, tài sản, vốn, nhân lực phục vụ các hoạt động kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp;

HĐQT đã thực hiện các biện pháp để kiểm tra độ tin cậy của số liệu báo cáo tài chính, số liệu đầu vào, quá trình thực hiện của các dự án, quyết toán công trình, thông tin kinh tế và các báo cáo khác, nhằm sớm phát hiện những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành, từng bước thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán NN, điều lệ và quy chế công ty;

HĐQT đã phối hợp cùng kiểm toán trong việc kiểm tra định kỳ báo cáo tài chính bán niên, kết thúc năm tài chính.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong năm qua Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã tuân thủ thực hiện đúng Điều lệ; quy chế, quy định của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Kế hoạch năm 2022 của Công ty được xây dựng trên cơ sở phù hợp với định hướng phát triển, các nguồn lực hiện có và khả năng thu hút, hiệu quả vốn đầu tư, tình hình thị trường. Trên cơ sở các hợp đồng thi công chuyển tiếp, dự án bất động sản đang triển khai, khả năng khai thác thị trường, HĐQT xây dựng kế hoạch năm 2022 cụ thể như sau:

- + Giá trị sản lượng : 230,0 tỷ đồng
- + Doanh thu : 200,0 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 1,0 tỷ đồng
- + Thu nhập bình quân người lao động : trên 10 Tr đồng/người/tháng
- + Phân đấu không để tai nạn lao động nặng trở lên xảy ra.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Ghi chú
1	Nguyễn Anh Hưng	Chủ tịch HĐQT	3.815.978	
2	Nguyễn Đình Lục	Ủy viên HĐQT	101.552	
3	Nguyễn Cảnh Tùng	Ủy viên HĐQT	67.814	
4	Đình Quốc Hùng	Ủy viên HĐQT	18.962	

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2021, HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp và ban hành các nghị quyết và quyết định theo thẩm quyền.

Nội dung các cuộc họp HĐQT đã được chuẩn bị chu đáo, có trọng tâm, các Nghị quyết được xây dựng trên nguyên tắc tập thể đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên, bảo đảm thẩm quyền, đúng quy định của điều lệ công ty và quy phạm pháp luật. Sau khi ban hành nghị quyết, HĐQT đã phân công các uỷ viên đôn đốc thực hiện nên mang lại hiệu quả, nâng cao trách nhiệm, thẩm quyền của HĐQT trong quá trình quản trị và giám sát doanh nghiệp.

Các thành viên HĐQT đã hoàn thành chức trách của mình theo nhiệm vụ đã được phân công, đúng Điều lệ, tạo điều kiện tốt nhất để Giám đốc thực hiện nhiệm vụ.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Giám đốc và các cán bộ quản lý đã tuân thủ thực hiện đúng Điều lệ, quy chế, quy định của HĐQT; song vẫn còn một số cán bộ quản lý chưa thực hiện việc nắm giữ cổ phiếu đúng tỷ lệ quy định.

- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có
 e. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.
 - Ông Nguyễn Anh Hưng - Chủ tịch HĐQT

2. Ban Kiểm soát.

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Nông	Trưởng ban kiểm soát	4.610	
2	Nguyễn Chí Thông	UV Ban kiểm soát	36	
3	Lê Linh	UV Ban kiểm soát	3.329	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT khi được mời;
- Thẩm tra bản báo cáo SXKD ba tháng, sáu tháng, một năm; báo cáo tài chính quý, sáu tháng, thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty; cùng với báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, báo cáo sản xuất kinh doanh của Giám đốc, báo cáo tài chính của Phòng Tài chính kế toán trong năm 2021 để các bản báo cáo đảm bảo tính trung thực;
- Ban kiểm soát đã tham gia giám sát, kiểm tra cùng các bộ phận chuyên môn; kiểm tra sổ sách và các tài liệu về: Hồ sơ kỹ thuật, hợp đồng kinh tế, công tác quản lý thiết bị, vật tư thi công, vật tư luân chuyển, vật tư tồn kho, điều hành sản xuất ở các đội và trụ sở công ty;
- Trong năm qua đã tham gia làm việc cùng đoàn Kiểm toán kiểm tra báo cáo tài chính Công ty năm 2021;
- Trong năm qua các thành viên của BKS thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình đúng Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, không vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Trong công tác luôn trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, Cổ đông và Nhà đầu tư. Trong năm không có thành viên nào của BKS vi phạm Điều lệ và quy định của pháp luật Nhà nước; không có cổ đông nào khiếu kiện trong việc đầu tư và hoạt động của C92.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)
1	Nguyễn Anh Hưng	Chủ tịch HĐQT	252.423.000
2	Nguyễn Đình Lục	Ủy viên HĐQT	274.301.000
3	Nguyễn Cảnh Tùng	Ủy viên HĐQT	279.445.000
4	Đình Quốc Hùng	Ủy viên HĐQT	252.423.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm: Không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn tồn tại một số vấn đề chưa thực hiện tốt các quy định quản trị của công ty:

- Công tác khoán, quyết toán còn chậm so với tiến độ yêu cầu. Công tác quản lý vật tư luân chuyển, thiết bị có những lúc chưa tốt. Công tác định biên cấp đội chưa thực hiện đúng quy chế;

- Về công tác vật tư luân chuyển, thiết bị cán bộ sửa chữa có tay nghề cao còn thiếu, cán bộ phụ trách có lúc chưa sâu sát, cán bộ chuyên trách đôi lúc vẫn chưa tận trọng trong công việc;

- Về công tác định biên cấp đội, việc chỉ đạo của cán bộ quản lý chưa quyết liệt. Bên cạnh HĐQT chưa ban hành được biện pháp xử lý để nâng cao hiệu lực quản trị;

- Nên tăng cường công tác chỉ đạo các cấp quản lý, đội sản xuất thực hiện tốt các quy định đề ra; rà soát và hoàn thiện quy chế tuyển dụng, đánh giá cán bộ một cách thiết thực hơn; thực hiện nghiêm khắc việc CBCNV, cán bộ quản lý vi phạm quy chế và điều lệ ban hành.

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán: *Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “cơ sở của ý kiến ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: *Có chi tiết BCTC đính kèm*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Anh Hưng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ 492

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 27
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492 được thành lập theo Quyết định số 2448/1998/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 09 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2900329305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, thay đổi đăng ký lần thứ 9 ngày 07 tháng 01 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 198 Trường Chinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Lục	Thành viên
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Thành viên
Ông Đinh Quốc Hùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Hưng	Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Lục	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Nông	Trưởng ban
Ông Lê Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Thông	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Anh Hưng

Giám đốc

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492 được lập ngày 24 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021, Công ty đang theo dõi các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác đã phát sinh từ các năm trước nhưng vẫn chưa thu hồi với tổng số tiền lần lượt là 31,38 tỷ đồng và 43,27 tỷ đồng (xem thuyết minh 8). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được khả năng thu hồi của khoản phải thu nói trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm kèm theo hay không.

- Tại thời điểm 31/12/2021, các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ với số tiền lần lượt là: Phải thu của khách hàng là 10,86 tỷ đồng (không bao gồm các đối tượng công nợ tại Thuyết minh số 8); Phải trả người bán ngắn hạn là 22,69 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ nêu trên và ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính đính kèm.

- Tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021, Công ty đang theo dõi trên chỉ tiêu Hàng tồn kho (MS 141) một số khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã phát sinh từ các năm trước chưa được nghiệm thu thanh toán với tổng số tiền lần lượt là 59,65 tỷ đồng và 16,67 tỷ đồng (xem thuyết minh 9). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thu thập được đầy đủ các tài liệu để có thể đánh giá được tình hình nghiệm thu, cũng như không thể xác định được giá trị có thể thu hồi đối với các chi phí để thực hiện các công trình. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm kèm theo hay không.

- Đối với các công trình thi công công trình giao thông nghiệm thu tiến độ trong năm nay, Công ty ghi nhận giá vốn hàng bán từ hoạt động xây lắp căn cứ theo tỷ lệ xác định phần công việc hoàn thành. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thu thập được đầy đủ các tài liệu để có thể đánh giá sự phù hợp của tỷ lệ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm kèm theo hay không.

- Trong năm, Công ty ghi nhận Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản với số tiền là 1,63 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được tính phù hợp của việc ghi nhận doanh thu theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm kèm theo hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2021, giá trị công trình dở dang đã thực hiện trong các năm trước nhưng chưa nghiệm thu được với chủ đầu tư là trên 16,67 tỷ đồng, các khoản đã ghi nhận doanh thu từ các năm trước vẫn chưa thu được tiền từ khách hàng là trên 76 tỷ đồng, các khoản nợ phải trả ngắn hạn trên 257,91 tỷ đồng trong đó nợ quá hạn trên 11,67 tỷ đồng. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 01, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc 

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022



Nguyễn Thị Nhân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2959-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		304.250.381.963	332.256.486.963
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	44.646.477.351	10.598.770.227
111	1. Tiền		44.646.477.351	10.598.770.227
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	9.600.000.000	9.900.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		9.600.000.000	9.900.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		116.494.955.451	124.793.642.070
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	101.673.718.292	110.930.440.522
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.868.549.767	5.086.558.508
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.663.237.176	10.487.192.824
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.710.549.784)	(1.710.549.784)
140	IV. Hàng tồn kho	9	133.264.757.120	182.242.128.386
141	1. Hàng tồn kho		133.264.757.120	182.242.128.386
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		244.192.041	4.721.946.280
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		244.192.041	4.721.946.280
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.510.007.136	20.884.819.268
220	II. Tài sản cố định		15.298.575.642	18.847.657.469
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	15.298.575.642	18.847.657.469
222	- Nguyên giá		120.601.340.560	124.817.234.169
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(105.302.764.918)	(105.969.576.700)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.211.431.494	2.037.161.799
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.997.944.851	1.823.675.156
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		213.486.643	213.486.643
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		321.760.389.099	353.141.306.231

011
CỘNG
HÀNH
IG KI
AA
KẾ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		260.147.854.249	292.561.957.339
310	I. Nợ ngắn hạn		257.911.992.408	289.105.082.766
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	62.007.341.924	54.482.578.734
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	83.031.229.612	108.723.327.766
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	18.512.541	215.193.286
314	4. Phải trả người lao động		908.269.667	2.409.287.667
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.821.713.273	4.247.777.934
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	21.348.168.900	21.911.474.643
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	84.694.119.755	96.032.806.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.082.636.736	1.082.636.736
330	II. Nợ dài hạn		2.235.861.841	3.456.874.573
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	-	36.372.055
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	2.235.861.841	3.420.502.518
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		61.612.534.850	60.579.348.892
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	61.612.534.850	60.579.348.892
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		53.129.200.000	53.129.200.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		53.129.200.000	53.129.200.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.655.023.967	1.655.023.967
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.828.310.883	5.795.124.925
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.795.124.925	4.229.311.217
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		1.033.185.958	1.565.813.708
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		321.760.389.099	353.141.306.231

quy

Yao



Nguyễn Thu Giang

Người lập biểu

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2022

Đặng Văn Công

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Nguyễn Anh Hưng

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	180.895.537.028	194.038.042.387
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		180.895.537.028	194.038.042.387
11	4. Giá vốn hàng bán	21	171.308.073.566	177.059.713.678
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.587.463.462	16.978.328.709
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	443.553.018	175.721.277
22	7. Chi phí tài chính	23	6.639.542.299	9.850.746.869
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.639.542.299	9.850.746.869
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.301.317.737	6.112.130.435
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.909.843.556)	1.191.172.682
31	11. Thu nhập khác	25	3.161.068.741	689.187.972
32	12. Chi phí khác	26	201.709.445	310.976.660
40	13. Lợi nhuận khác		2.959.359.296	378.211.312
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.049.515.740	1.569.383.994
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	16.329.782	3.570.286
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.033.185.958</u>	<u>1.565.813.708</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	194	295

Nguyễn Thu Giang

Đặng Văn Công



Nguyễn Thu Giang

Người lập biểu

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2022

Đặng Văn Công

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Nguyễn Anh Hưng

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		182.867.713.370	218.715.068.306
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(115.399.570.660)	(160.692.073.537)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(18.418.906.000)	(19.294.490.400)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(6.088.303.447)	(7.427.166.130)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.570.286)	(217.953.026)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		566.347.953	174.121.146
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(553.597.851)	(443.345.166)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		42.970.113.079	30.814.161.193
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.672.727.272	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(9.900.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.300.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		443.553.018	175.721.277
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.416.280.290	(9.724.278.723)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		104.559.278.880	127.067.266.890
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(115.897.965.125)	(155.508.548.886)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.338.686.245)	(28.441.281.996)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		34.047.707.124	(7.351.399.526)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.598.770.227	17.950.169.753
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	44.646.477.351	10.598.770.227

Nguyễn Thu Giang

Đặng Văn Công



Nguyễn Thu Giang

Người lập biểu

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2022

Đặng Văn Công

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Nguyễn Anh Hưng

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492 được thành lập theo Quyết định số 2448/1998/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 09 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2900329305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, thay đổi đăng ký lần thứ 9 ngày 07 tháng 01 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 198 Trường Chinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 53.129.200.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 53.129.200.000 đồng; tương đương 5.312.920 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 122 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 134 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng công trình giao thông.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình giao thông (bao gồm các công trình theo hình thức BOT, BT);
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Mua bán vật tư, thiết bị giao thông vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị thi công.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đặc thù của ngành xây dựng cơ bản hầu hết các dự án đều kéo dài từ hai đến ba năm. Do đó chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty lấy theo bình quân của ngành là hai năm trở lên.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thi công các công trình giao thông. Trong giai đoạn từ năm 2015 - 2019, do có sự cạnh tranh gay gắt trong ngành và việc cắt giảm đầu tư công của Chính phủ dẫn đến thị trường của Công ty có sự suy giảm. Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện ký kết nhiều hợp đồng có giá trị lớn với chủ đầu tư và nghiệm thu được nhiều hạng mục công trình. Tuy nhiên, trong năm 2021, tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, giá vật liệu xây dựng tăng cao đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến Doanh thu và Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty năm nay giảm so với năm trước.

Tại thời điểm 31/12/2021, các khoản đã ghi nhận doanh thu từ các năm trước vẫn chưa thu được tiền từ khách hàng là trên 76 tỷ đồng (bao gồm: Công ty Cổ phần Tập đoàn Cienco 4, số tiền 27,98 tỷ đồng; Công ty Cổ phần BOT Biên Cương, số tiền 4,83 tỷ đồng và các đối tượng Nợ xấu tại Thuyết minh 8), giá trị công trình dở dang đã thực hiện trong các năm trước nhưng chưa nghiệm thu được với chủ đầu tư là trên 16,67 tỷ đồng (Thuyết minh 9), các khoản nợ phải trả ngắn hạn trên 257,91 tỷ đồng trong đó nợ quá hạn trên 11,67 tỷ đồng (Thuyết minh 13). Các nội dung này cho thấy tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh cụ thể, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xây lắp công trình giao thông, đảm bảo kịp tiến độ, an toàn, chất lượng. Đồng thời, Công ty đã và đang huy động nguồn tài chính cần thiết để bổ sung vốn lưu động, tích cực làm việc với đối tượng nợ như Công ty Cổ phần Tập đoàn Cienco 4, Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả,... để thu hồi dòng tiền về. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

011
CÔN
HNNH
3 KI
VA
TIEN

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 - 05 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư luân chuyển, chi phí sửa chữa và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

105
3 TY
THUI
MT
SC
TP

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm tài chính phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là: Chi phí đi vay vốn

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm 2021.

2.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22. Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực xây dựng công trình giao thông và chỉ phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tiền mặt	67.319.042	99.805.808
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.579.158.309	10.498.964.419
	44.646.477.351	10.598.770.227

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	9.600.000.000	-	9.900.000.000	-
	9.600.000.000	-	9.900.000.000	-

Tại thời điểm 31/12/2021, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 9.600.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với lãi suất từ 4,1%/năm đến 6,12%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Cienco 4 (*)	27.978.767.283	-	27.978.767.283	-
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương (*)	4.837.049.031	-	18.763.223.187	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	24.425.530.327	-	16.746.419.327	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	5.845.098.428	-	5.845.098.428	-
- Trung tâm Quản lý Đường hầm sông Sài Gòn	3.539.101.405	-	3.652.862.623	-
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông Thành phố Hồ Chí Minh	2.194.790.213	-	5.609.854.237	-
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông tỉnh Hà Tĩnh	5.128.149.000	-	5.048.021.000	-
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực Quận 9	-	-	4.900.471.434	-
- Ban Quản lý Dự án và Quỹ đất Thành phố Hội An	4.306.013.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	23.419.219.605	(1.486.897.025)	22.385.723.003	(1.486.897.025)
	101.673.718.292	(1.486.897.025)	110.930.440.522	(1.486.897.025)

(*) Đây là các công trình của đơn vị liên quan đến vốn Nhà nước nên công tác quyết toán còn chậm, chủ đầu tư giữ lại chưa thanh toán khi nghiệm thu các đợt, chờ khi quyết toán công trình thì chủ đầu tư sẽ thanh toán hết. Tại thời điểm 31/12/2021, tổng số dư công nợ với các đối tượng này là: 32.815.816.314 đồng. Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng Công ty sẽ thu hồi được toàn bộ số dư công nợ của các đối tượng này.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hòa	3.335.408.173	-	3.335.408.173	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Đức Thành	1.061.150.464	-	1.061.150.464	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	471.991.130	-	689.999.871	-
	4.868.549.767	-	5.086.558.508	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng	1.311.372.040	-	1.420.021.609	-
- Ký cược, ký quỹ	8.749.035.826	-	7.980.286.485	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	6.120.000.000	-	6.120.000.000	-
+ Ký quỹ với ngân hàng	2.629.035.826	-	1.860.286.485	-
- Phải thu khác	1.602.829.310	(223.652.759)	1.086.884.730	(223.652.759)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	800.000.000	-	800.000.000	-
+ Ban Quản lý dự án khu chung cư của công ty	579.176.551	-	-	-
+ Phan Đăng Tạo	144.990.276	(144.990.276)	144.990.276	(144.990.276)
+ Các khoản phải thu khác	78.662.483	(78.662.483)	141.894.454	(78.662.483)
	11.663.237.176	(223.652.759)	10.487.192.824	(223.652.759)

8. NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	30.545.530.327	30.545.530.327	16.746.419.327	16.746.419.327
+ Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	6.645.098.428	6.645.098.428	6.645.098.428	6.645.098.428
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Công trình 623	1.555.646.000	1.555.646.000	1.555.646.000	1.555.646.000
+ Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông Thành phố Hồ Chí Minh	1.019.777.000	1.019.777.000	1.019.777.000	1.019.777.000
+ Ban Quản lý Công trình Cầu Nghèn	782.849.600	782.849.600	782.849.600	782.849.600
+ Công ty Cổ phần 471	689.395.858	-	689.395.858	-
+ Các khoản phải thu khác	2.034.717.499	1.013.563.573	3.943.472.371	2.922.318.445
	43.273.014.712	41.562.464.928	31.382.658.584	29.672.108.800

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công cụ, dụng cụ	-	-	801.564.472	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	133.264.757.120	-	181.440.563.914	-
	133.264.757.120	-	182.242.128.386	-

(*): Chi tiết các công trình dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công trình Cầu Sông Hốt - Quảng Ninh (**)	16.669.307.297	16.669.307.297
- Công trình Cầu 2A - Gói thầu 4A (***)	-	10.495.865.454
- Gói thầu số 5 (Cầu số 2,3,5 tại Phú Yên) (***)	-	32.481.039.548
- Công trình N3 Nguyễn Tri Phương - Sài Gòn	-	2.664.447.494
- Công trình Cầu Long Đại - Thành phố Hồ Chí Minh	32.004.805.125	31.112.911.739
- Công trình Cầu Quang Trung - Thành phố Cần Thơ	27.178.453.586	27.109.875.677
- Công trình N4 Nguyễn Tri Phương - Sài Gòn	-	9.694.926.898
- Công trình Cầu Phước Long - Thành phố Hồ Chí Minh	4.211.147.224	2.909.062.663
- Công trình Cầu Thọ Tường - Hà Tĩnh	16.696.688.825	16.675.720.363
- Công trình 4 Cầu Cần Thơ	9.978.502.640	7.027.499.335
- Công trình Bến xe miền Đông	3.600.482.595	3.071.223.944
- Công trình Cầu Thanh Nam	10.850.375.408	15.596.413.054
- Công trình Cầu Bình Dương - Tây Ninh	5.942.176.591	3.379.628.061
- Công trình Cầu Bạch Đằng - Bình Dương	416.335.227	-
- Công trình Cầu Đội Kỳ - Bắc Kạn	4.736.529.224	-
- Dự án Chung cư Lê Lợi	979.953.378	2.552.642.387
	133.264.757.120	181.440.563.914

(**) Công trình này Công ty đã thực hiện khối lượng công việc theo tiến độ thi công đã ký kết tuy nhiên do vướng mắc trong việc bố trí nguồn vốn nên chủ đầu tư chưa thực hiện ký nghiệm thu đối với khối lượng.

(***) Công trình có vướng mắc tại 31/12/2020, tuy nhiên trong năm 2021, Công ty đã thực hiện nghiệm thu và quyết toán khối lượng với chủ đầu tư.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.403.133.574	81.824.058.873	23.697.077.383	1.072.957.724	14.820.006.615	124.817.234.169
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.093.615.509)	(1.122.278.100)	-	-	(4.215.893.609)
Số dư cuối năm	3.403.133.574	78.730.443.364	22.574.799.283	1.072.957.724	14.820.006.615	120.601.340.560
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.767.181.135	68.602.760.121	19.756.390.167	1.023.238.662	14.820.006.615	105.969.576.700
- Khấu hao trong năm	132.312.624	2.502.934.460	855.965.665	20.388.052	-	3.511.600.801
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.056.134.483)	(1.122.278.100)	-	-	(4.178.412.583)
Số dư cuối năm	1.899.493.759	68.049.560.098	19.490.077.732	1.043.626.714	14.820.006.615	105.302.764.918
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.635.952.439	13.221.298.752	3.940.687.216	49.719.062	-	18.847.657.469
Tại ngày cuối năm	1.503.639.815	10.680.883.266	3.084.721.551	29.331.010	-	15.298.575.642

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.549.891.376 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 76.934.804.279 VND.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Vật tư luân chuyển	1.548.302.828	924.023.433
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	449.642.023	890.396.071
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	9.255.652
	1.997.944.851	1.823.675.156

12. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay ngắn hạn	96.032.806.000	96.032.806.000	104.559.278.880	115.897.965.125	84.694.119.755	84.694.119.755
	96.032.806.000	96.032.806.000	104.559.278.880	115.897.965.125	84.694.119.755	84.694.119.755

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2021	01/01/2021
	VND				VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	VND	7,4% - 8,8%	11 tháng	Thế chấp (*)	69.819.384.754	43.043.254.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Nghệ An	VND	7,90%	09 tháng	Thế chấp (*)	10.344.830.276	7.418.152.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	VND	10,35%	11 tháng	Thế chấp (*)	1.400.000.000	4.940.400.000
Cá nhân Phạm Thị Thanh Nhân	VND	5,40%	03 tháng	Tín chấp	-	6.068.000.000
Cá nhân Phạm Thị Thanh Mai	VND	5,40%	03 tháng	Tín chấp	3.129.904.725	34.563.000.000
					84.694.119.755	96.032.806.000

Mục đích của các khoản vay ngắn hạn: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh thi công xây dựng.

(*) Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021		01/01/2021	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Cá nhân Phạm Thị Thanh Mai	Vợ của Chủ tịch HĐQT - Giám đốc	3.129.904.725	2.412.068.783	34.563.000.000	1.574.359.441
		3.129.904.725	2.412.068.783	34.563.000.000	1.574.359.441

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng 68	11.853.136.911	11.853.136.911	13.353.136.911	13.353.136.911
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Cienco 4	8.530.736.655	8.530.736.655	8.530.736.655	8.530.736.655
- Công ty TNHH Luận Nhân	7.461.672.741	7.461.672.741	40.010.200	40.010.200
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhật Anh Phát	5.601.462.470	5.601.462.470	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Vĩnh Hưng	4.574.523.669	4.574.523.669	5.089.573.669	5.089.573.669
- Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Trường Thành	3.136.697.121	3.136.697.121	3.587.697.121	3.587.697.121
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	1.733.465.640	1.733.465.640	1.733.465.640	1.733.465.640
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Công trình Miền Trung	1.408.835.239	1.408.835.239	1.408.835.239	1.408.835.239
- Phải trả các đối tượng khác	17.706.811.478	17.706.811.478	20.739.123.299	20.739.123.299
	62.007.341.924	62.007.341.924	54.482.578.734	54.482.578.734
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Cienco 4	8.530.736.655	8.530.736.655	8.530.736.655	8.530.736.655
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	1.733.465.640	1.733.465.640	1.733.465.640	1.733.465.640
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Công trình Miền Trung	1.408.835.239	1.408.835.239	1.408.835.239	1.408.835.239
	11.673.037.534	11.673.037.534	11.673.037.534	11.673.037.534

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Bắc Kạn	31.146.660.947	-
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Dương	32.954.375.000	52.448.290.000
- Ban Quản lý Dự án và Quỹ đất Thành phố Hội An	-	32.700.000.000
- Ban Quản lý Dự án và Phát triển Quỹ đất quận Cái Răng, Cần Thơ	858.632.017	8.382.385.694
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực Quận 9	2.878.909.566	-
- Người mua trả tiền trước khác	15.192.652.082	15.192.652.072
	83.031.229.612	108.723.327.766

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	3.784.226.901	3.784.226.901	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.570.286	16.329.782	3.570.286	16.329.782
- Thuế thu nhập cá nhân	-	4.983.195	2.800.436	2.182.759
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	211.623.000	225.470.676	437.093.676	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	215.193.286	4.034.010.554	4.230.691.299	18.512.541

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	4.163.546.349	3.612.307.497
- Phí bảo lãnh	658.166.924	635.470.437
	4.821.713.273	4.247.777.934

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	632.473.169	667.964.138
- Bảo hiểm xã hội	1.167.255.240	1.442.813.471
- Bảo hiểm y tế	544.059.098	280.128.801
- Bảo hiểm thất nghiệp	264.534.177	144.944.805
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.739.847.216	19.375.623.428
+ <i>Phải trả các đội thi công tiền thi công các công trình</i>	<i>18.156.907.695</i>	<i>18.782.683.907</i>
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>582.939.521</i>	<i>592.939.521</i>
	21.348.168.900	21.911.474.643
b) Dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	36.372.055
	-	36.372.055

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.235.861.841	3.420.502.518
	2.235.861.841	3.420.502.518

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	53.129.200.000	1.655.023.967	4.229.311.217	59.013.535.184
Lãi trong năm trước	-	-	1.565.813.708	1.565.813.708
Số dư cuối năm trước	53.129.200.000	1.655.023.967	5.795.124.925	60.579.348.892
Số dư đầu năm nay	53.129.200.000	1.655.023.967	5.795.124.925	60.579.348.892
Lãi trong năm nay	-	-	1.033.185.958	1.033.185.958
Số dư cuối năm nay	53.129.200.000	1.655.023.967	6.828.310.883	61.612.534.850

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Nguyễn Anh Hưng	38.159.780.000	71,82%	38.159.780.000	71,82%
Các cổ đông khác	14.969.420.000	28,18%	14.969.420.000	28,18%
	53.129.200.000	100%	53.129.200.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	53.129.200.000	53.129.200.000
- Vốn góp cuối năm	53.129.200.000	53.129.200.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.312.920	5.312.920
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.312.920	5.312.920
- Cổ phiếu phổ thông	5.312.920	5.312.920
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.312.920	5.312.920
- Cổ phiếu phổ thông	5.312.920	5.312.920
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	1.655.023.967	1.655.023.967
	1.655.023.967	1.655.023.967

20. TỔNG DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu thi công các công trình giao thông	174.595.262.162	193.186.276.538
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.632.978.207	357.028.619
Doanh thu kinh doanh khác	4.667.296.659	494.737.230
	180.895.537.028	194.038.042.387

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn thi công các công trình giao thông	167.623.794.466	176.225.799.260
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.551.329.297	339.177.188
Giá vốn kinh doanh khác	2.132.949.803	494.737.230
	171.308.073.566	177.059.713.678

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	443.553.018	175.721.277
	443.553.018	175.721.277

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.639.542.299	9.850.746.869
	6.639.542.299	9.850.746.869

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.455.178.094	5.049.981.798
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.388.051	30.321.601
Thuế, phí, lệ phí	217.527.396	219.949.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	433.208.424	431.787.710
Chi phí khác bằng tiền	175.015.772	380.089.671
	5.301.317.737	6.112.130.435

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.973.428.064	-
Thu nhập về cho thuê tài sản	-	170.000.000
Hoàn nhập bảo hành công trình	1.184.640.677	462.278.882
Thu nhập khác	3.000.000	56.909.090
	3.161.068.741	689.187.972

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	201.709.445	310.976.660
	201.709.445	310.976.660

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	967.866.830	1.551.532.563
Các khoản điều chỉnh tăng	201.709.445	310.976.660
- Chi phí không hợp lệ	201.709.445	310.976.660
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.169.576.275)	(1.862.509.223)
- Chuyển lỗ các năm trước	(1.169.576.275)	(1.862.509.223)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%) (1)	-	-
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	81.648.910	17.851.431
Thu nhập chịu thuế TNDN	81.648.910	17.851.431
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%) (2)	16.329.782	3.570.286
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	16.329.782	3.570.286
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành (3) = (1) + (2)	16.329.782	3.570.286
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.570.286	217.953.026
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.570.286)	(217.953.026)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	16.329.782	3.570.286

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.033.185.958	1.565.813.708
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.033.185.958	1.565.813.708
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.312.920	5.312.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	194	295

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.114.290.671	78.067.033.880
Chi phí nhân công	17.922.109.094	21.752.916.798
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.511.600.801	3.855.336.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.168.876.641	80.724.097.711
Chi phí khác bằng tiền	1.716.707.302	2.123.010.587
	128.433.584.509	186.522.395.593

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.646.477.351	-	10.598.770.227	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	113.336.955.468	(1.710.549.784)	121.417.633.346	(1.710.549.784)
Các khoản cho vay	9.600.000.000	-	9.900.000.000	-
	167.583.432.819	(1.710.549.784)	141.916.403.573	(1.710.549.784)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	84.694.119.755	96.032.806.000
Phải trả người bán, phải trả khác	83.355.510.824	76.430.425.432
Chi phí phải trả	4.821.713.273	4.247.777.934
	172.871.343.852	176.711.009.366

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.646.477.351	-	-	44.646.477.351
Phải thu khách hàng, phải thu khác	111.626.405.684	-	-	111.626.405.684
Các khoản cho vay	9.600.000.000	-	-	9.600.000.000
	165.872.883.035	-	-	165.872.883.035
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.598.770.227	-	-	10.598.770.227
Phải thu khách hàng, phải thu khác	119.707.083.562	-	-	119.707.083.562
Các khoản cho vay	9.900.000.000	-	-	9.900.000.000
	140.205.853.789	-	-	140.205.853.789

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	84.694.119.755	-	-	84.694.119.755
Phải trả người bán, phải trả khác	83.355.510.824	-	-	83.355.510.824
Chi phí phải trả	4.821.713.273	-	-	4.821.713.273
	172.871.343.852	-	-	172.871.343.852
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	96.032.806.000	-	-	96.032.806.000
Phải trả người bán, phải trả khác	76.394.053.377	36.372.055	-	76.430.425.432
Chi phí phải trả	4.247.777.934	-	-	4.247.777.934
	176.674.637.311	36.372.055	-	176.711.009.366

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Anh Hưng	Chủ tịch HĐQT/ Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Lục	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc
Ông Đinh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT
Bà Phạm Thị Thanh Mai	Vợ Chủ tịch HĐQT/ Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thù lao của các thành viên trong Hội đồng quản trị	204.000.000	204.000.000
Ông Nguyễn Anh Hưng	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đình Lục	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	48.000.000	48.000.000
Ông Đinh Quốc Hùng	48.000.000	48.000.000
Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác	806.169.000	887.700.000
Ông Nguyễn Anh Hưng	252.423.000	302.328.000
Ông Nguyễn Đình Lục	274.301.000	292.446.000
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	279.445.000	292.926.000

Ngoài các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Thu Giang

Người lập biểu

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2022


Đặng Văn Công
Trưởng phòng Tài chính Kế toán




Nguyễn Anh Hưng
Giám đốc